PHẦN VĂN BẢN KHÁC

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 950/QĐ-TTg	*Hà Nội, ngày 25 tháng 7 năm 2012*

QUYẾT ĐỊNH
Ban hành Chương trình hành động thực hiện Chiến lược xuất nhập khẩu hàng hóa thời kỳ 2011 - 2020, định hướng đến năm 2030

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Chiến lược xuất nhập khẩu hàng hóa thời kỳ 2011 - 2020, định hướng đến năm 2030;

Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Công Thương,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Chương trình hành động thực hiện Chiến lược xuất nhập khẩu hàng hóa thời kỳ 2011 - 2020, định hướng đến năm 2030 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 2471/QĐ-TTg ngày 28 tháng 12 năm 2011.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các đơn vị, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG

Hoàng Trung Hải

CHƯƠNG TRÌNH HÀNH ĐỘNG
THỰC HIỆN CHIẾN LƯỢC XUẤT NHẬP KHẨU HÀNG HÓA THỜI KỲ 2011 - 2020, ĐỊNH HƯỚNG ĐẾN NĂM 2030

(Ban hành kèm theo Quyết định số 950/QĐ-TTg ngày 25 tháng 7 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ)

I. MỤC TIÊU CỦA CHƯƠNG TRÌNH

Chương trình hành động thực hiện Chiến lược xuất nhập khẩu hàng hóa thời kỳ 2011 - 2020, định hướng đến năm 2030 (sau đây gọi tắt là Chương trình hành động) nhằm cụ thể hóa những nhiệm vụ và giải pháp chủ yếu đã được nêu tại Quyết định số 2471/QĐ-TTg ngày 28 tháng 12 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chiến lược xuất nhập khẩu hàng hóa thời kỳ 2011 - 2020, định hướng đến năm 2030, hướng tới các mục tiêu:

- Tăng trưởng xuất khẩu hàng hóa bình quân 11% - 12%/năm trong thời kỳ 2011 - 2020.

- Tăng trưởng nhập khẩu hàng hóa bình quân tăng 10% - 11%/năm trong thời kỳ 2011 - 2020.

- Giảm dần thâm hụt thương mại, kiểm soát nhập siêu khoảng 10% kim ngạch xuất khẩu vào năm 2015 và tiến tới cân bằng cán cân thương mại vào năm 2020. Phấn đấu cán cân thương mại thặng dư thời kỳ 2021 - 2030.

II. CÁC NHIỆM VỤ CHỦ YẾU

1. Phát triển sản xuất, chuyển dịch cơ cấu kinh tế

a) Về sản xuất công nghiệp

- Rà soát, bổ sung và hoàn chỉnh các chiến lược, quy hoạch ngành, sản phẩm công nghiệp phù hợp với Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 2011 - 2020 và Chiến lược xuất nhập khẩu hàng hóa thời kỳ 2011 - 2020, định hướng đến năm 2030.

- Triển khai thực hiện Chương trình quốc gia nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa của doanh nghiệp Việt Nam đến năm 2020 đã được phê duyệt tại Quyết định số 712/QĐ-TTg ngày 21 tháng 5 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ và các dự án thuộc Chương trình được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- Triển khai thực hiện Chương trình đổi mới công nghệ quốc gia đến năm 2020 đã được phê duyệt tại Quyết định số 677/QĐ-TTg ngày 10 tháng 5 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ, trong đó tập trung vào các sản phẩm trọng điểm, sản phẩm chủ lực, sản phẩm quốc gia; nghiên cứu, làm chủ và ứng dụng công nghệ tiên tiến; xây dựng chính sách hỗ trợ các doanh nghiệp trong việc đổi mới công

nghệ nâng cao chất lượng, hàm lượng khoa học công nghệ và giá trị gia tăng, giá trị nội địa trong sản phẩm xuất khẩu.

- Xác định cụ thể các mặt hàng xuất khẩu có tiềm năng. Xây dựng và ban hành cơ chế, chính sách nhằm phát triển sản xuất các mặt hàng xuất khẩu có tiềm năng, có lợi thế cạnh tranh cấp quốc gia, có tốc độ tăng trưởng và giá trị gia tăng cao thuộc các nhóm hàng vật liệu xây dựng, sản phẩm hóa dầu, sản phẩm cao su, sản phẩm chất dẻo, điện tử, điện thoại di động.

- Tích cực triển khai thực hiện Quyết định số 12/2011/QĐ-TTg ngày 24 tháng 02 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách phát triển một số ngành công nghiệp hỗ trợ; rà soát và bổ sung các chính sách ưu đãi để khuyến khích, thu hút đầu tư vào sản xuất các sản phẩm công nghiệp hỗ trợ ưu tiên phát triển thuộc các ngành cơ khí chế tạo, điện tử - tin học, sản xuất lắp ráp ô tô, dệt may, da giày và công nghệ cao. Đề xuất bổ sung mới các sản phẩm công nghiệp hỗ trợ cần ưu tiên phát triển trong thời gian tới phù hợp với tình hình kinh tế trong nước và quốc tế, gắn với phát triển xuất khẩu.

- Đánh giá cụ thể tình hình triển khai xây dựng các trung tâm cung ứng nguyên phụ liệu đối với ngành dệt may, da giày trong thời gian qua, trên cơ sở đó đề xuất ban hành các cơ chế, chính sách nhằm tháo gỡ khó khăn và phát triển các trung tâm cung ứng nguyên phụ liệu cho các ngành hàng: dệt may, da giầy, đồ gỗ, điện tử, cơ khí.

- Nghiên cứu các chính sách phát triển công nghiệp bền vững đảm bảo tăng trưởng kinh tế gắn với tiết kiệm tài nguyên và bảo vệ môi trường; tuân thủ tốt các cam kết quốc tế về môi trường trong các hiệp định đã ký kết có liên quan đến môi trường; xây dựng hệ thống pháp lý về môi trường phù hợp với quá trình hội nhập; có chính sách thích hợp hỗ trợ doanh nghiệp vừa và nhỏ trong công tác quản lý môi trường và đầu tư các sản phẩm thân thiện với môi trường.

b) Về sản xuất nông nghiệp

- Rà soát, bổ sung và hoàn chỉnh các chiến lược, quy hoạch ngành, sản phẩm nông nghiệp (gạo, cà phê, chè, hạt tiêu, hạt điều, cao su, thủy sản) phù hợp với Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội đến năm 2020 và Quy hoạch tổng thể phát triển sản xuất ngành nông nghiệp 2011 - 2020 và tầm nhìn đến 2030 đã được phê duyệt tại Quyết định số 124/QĐ-TTg ngày 02 tháng 02 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ. Tiếp tục xây dựng và sửa đổi, bổ sung các cơ chế, chính sách ưu đãi nhằm thu hút doanh nghiệp tập trung đầu tư vào các ngành này; ban hành các chính sách phù hợp bảo đảm tiêu thụ ổn định, bền vững các sản phẩm nông nghiệp, nhất là của vùng sản xuất tập trung lớn và những sản phẩm nông nghiệp chủ lực.

- Xây dựng cơ chế, chính sách nhằm định hướng, hỗ trợ, khuyến khích doanh nghiệp nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm chủ lực thuộc lĩnh vực nông nghiệp trên cơ sở áp dụng các giải pháp nâng cao năng suất và chất lượng phù hợp với đặc thù của ngành, doanh nghiệp; triển khai các giải pháp hỗ trợ ứng dụng, chuyển giao tiến bộ khoa học và công nghệ trong sản xuất, kỹ thuật canh tác và ứng dụng các loại giống cây trồng, vật nuôi mới cho năng suất, chất lượng cao; đổi mới công nghệ trong khai thác, sơ chế, bảo quản, chế biến sâu nhằm tăng giá trị sản phẩm, hàng hóa nông, lâm thủy sản xuất khẩu chủ lực.

- Thúc đẩy việc thực hiện thí điểm các mô hình sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp nhằm xây dựng vùng sản xuất hàng hóa tập trung gắn với chế biến, tiêu thụ sản phẩm và phục vụ xuất khẩu; đồng thời liên kết về lực lượng, tư liệu sản xuất để tạo điều kiện đưa khoa học kỹ thuật, công nghệ mới, giống mới vào sản xuất. Các địa phương thường xuyên theo dõi, tổng kết các mô hình tốt để phổ biến, triển khai mở rộng; kịp thời đề xuất, báo cáo Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hoàn thiện, bổ sung tiêu chí, các giải pháp nhằm thúc đẩy áp dụng các mô hình này trên cả nước.

- Xây dựng và ban hành các cơ chế khuyến khích gắn kết giữa phát triển vùng nguyên liệu với sản xuất, chế biến và xuất khẩu nông, lâm, thủy sản thông qua các hình thức liên doanh, liên kết, hợp đồng dài hạn, cung ứng nguyên vật liệu đầu vào gắn với tiêu thụ sản phẩm. Trên cơ sở rà soát quy hoạch vùng nguyên liệu, các địa phương đẩy mạnh liên kết đầu tư phát triển vùng nguyên liệu, liên kết sản xuất, chế biến tại chỗ phục vụ xuất khẩu.

- Rà soát, bổ sung và hoàn chỉnh các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật đối với các mặt hàng nông, lâm, thủy sản, nhất là mặt hàng nông sản xuất khẩu chủ lực như gạo, cà phê, cao su, thủy sản. Trên cơ sở đó, xây dựng lộ trình bắt buộc áp dụng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật đối với các mặt hàng nông, lâm, thủy sản xuất khẩu và tăng cường kiểm tra, kiểm soát để nâng cao chất lượng, hiệu quả xuất khẩu, bảo vệ uy tín, thương hiệu hàng hóa Việt Nam.

- Thường xuyên nắm tình hình áp dụng các biện pháp bảo hộ mậu dịch, hàng rào kỹ thuật của nước nhập khẩu đối với hàng hóa xuất khẩu của Việt Nam, đặc biệt là các mặt hàng nông, lâm, thủy sản; tăng cường tuyên truyền, phổ biến nâng cao nhận thức của các doanh nghiệp xuất khẩu về công tác này, chủ động phối hợp với các cơ quan liên quan, địa phương, hiệp hội, doanh nghiệp để có các biện pháp ứng phó kịp thời, hiệu quả.

2. Phát triển thị trường, xúc tiến thương mại

- Khẩn trương xây dựng trình cấp có thẩm quyền phê duyệt Chiến lược đàm phán các hiệp định thương mại tự do (FTA) đến năm 2020, tập trung các nguồn lực để đàm phán FTA vào các thị trường, khu vực thị trường trọng điểm, nhiều tiềm năng.

- Xây dựng đề án phát triển, đẩy mạnh xuất khẩu đối với từng khu vực thị trường nhằm đa dạng hóa mặt hàng và thị trường xuất nhập khẩu, khai thác tốt tiềm năng và đặc thù của từng khu vực thị trường.

- Đẩy mạnh các hoạt động đàm phán song phương, đa phương; rà soát các hiệp định, cam kết quốc tế đã ký với từng nước, khu vực để có biện pháp đẩy mạnh xuất khẩu vào các thị trường này, đồng thời bảo đảm sự đồng bộ trong quá trình thực hiện các cam kết.

- Từng bước xây dựng, hoàn thiện các đơn vị cung cấp thông tin chuyên nghiệp nhằm thu thập, phân tích, dự báo tình hình thị trường hàng hóa trong nước và thế giới, luật pháp, chính sách và tập quán buôn bán của các thị trường để giúp doanh nghiệp có nguồn thông tin chuyên sâu, chính xác, kịp thời, nâng cao khả năng cạnh tranh và thâm nhập thị trường hiệu quả.

- Đổi mới mô hình hoạt động của các thương vụ theo hướng phát huy tính tự chủ và bảo đảm hiệu quả trong hoạt động.

- Xây dựng và trình cấp có thẩm quyền ban hành Đề án củng cố, mở rộng hệ thống cơ quan đại diện xúc tiến thương mại Việt Nam tại nước ngoài đáp ứng yêu cầu của tình hình mới.

- Đẩy mạnh các hoạt động xúc tiến xuất khẩu thuộc Chương trình xúc tiến thương mại quốc gia theo Quyết định số 72/2010/QĐ-TTg ngày 15 tháng 11 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quy chế xây dựng, quản lý và thực hiện Chương trình xúc tiến thương mại quốc gia, tập trung phát triển sản phẩm xuất khẩu mới có lợi thế cạnh tranh, không bị hạn chế về thị trường, xuất khẩu vào các thị trường còn nhiều tiềm năng.

- Thực hiện có hiệu quả Chương trình thương hiệu quốc gia; khuyến khích tổ chức các sự kiện quảng bá, giới thiệu thương hiệu doanh nghiệp, sản phẩm có tầm quốc gia; hướng dẫn và hỗ trợ doanh nghiệp chủ động bảo hộ các thương hiệu, nhãn hiệu hàng hóa xuất khẩu trên thị trường thế giới.

- Tạo điều kiện cho Hiệp hội Doanh nhân Việt Nam ở nước ngoài phát huy vai trò, khả năng của cộng đồng người Việt Nam ở nước ngoài trong việc mở rộng thị trường xuất khẩu, cải tiến nâng cao chất lượng, sức cạnh tranh cho hàng hóa Việt Nam trên thị trường quốc tế, thiết lập và mở rộng hệ thống phân phối hàng Việt Nam tại các nước.

- Rà soát, đánh giá kết cấu hạ tầng thương mại tại các khu vực cửa khẩu biên giới, nhất là các khu vực có lượng hàng hóa xuất nhập khẩu lớn, từ đó đề xuất cơ chế, chính sách nhằm hoàn thiện, phát triển kết cấu hạ tầng thương mại tại các khu

vực này; tăng cường hợp tác, trao đổi thông tin với các nước có chung đường biên giới để bảo đảm xuất khẩu ổn định, dự báo và chủ động phòng ngừa những bất ổn phát sinh; sửa đổi, bổ sung cơ chế, chính sách thương mại biên giới theo hướng linh hoạt, khuyến khích tối đa cho xuất khẩu, bảo đảm nhập khẩu các mặt hàng thiết yếu.

- Đẩy mạnh việc đàm phán, ký kết và thực hiện các hiệp định hoặc thỏa thuận thừa nhận lẫn nhau về tiêu chuẩn, chất lượng sản phẩm, về kiểm tra trước khi xếp hàng nhằm thúc đẩy thuận lợi hóa thương mại giữa Việt Nam với các nước.

- Có giải pháp cụ thể để tăng cường và nâng cao hiệu quả hoạt động ngoại giao phục vụ kinh tế nhằm mở rộng thị trường xuất khẩu cho hàng hóa Việt Nam.

3. Hoàn thiện chính sách thương mại, tài chính, tín dụng và đầu tư phát triển sản xuất hàng xuất khẩu

- Rà soát, hoàn thiện hệ thống pháp luật, cơ chế, chính sách liên quan đến quản lý nhà nước trong lĩnh vực xuất nhập khẩu.

- Đánh giá kết quả thí điểm bảo hiểm tín dụng xuất khẩu theo Quyết định số 2011/QĐ-TTg ngày 05 tháng 11 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ, từ đó đề xuất với cấp có thẩm quyền các cơ chế, chính sách để đẩy mạnh hoạt động bảo hiểm tín dụng xuất khẩu cho doanh nghiệp.

- Nâng cao vai trò của Ngân hàng Phát triển Việt Nam trong việc cung cấp tín dụng, bảo lãnh tín dụng xuất khẩu và đầu tư cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa.

- Rà soát, xây dựng các mức thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu phù hợp với lộ trình hội nhập quốc tế và khu vực nhằm tạo điều kiện đẩy mạnh xuất khẩu, phát triển sản xuất trong nước.

- Đánh giá tổng thể tình hình đầu tư nước ngoài của Việt Nam thời gian qua và định hướng chính sách đến năm 2020. Đề xuất những giải pháp thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài có chất lượng.

- Xây dựng chính sách khuyến khích các tập đoàn đa quốc gia, các doanh nghiệp lớn trên thế giới đầu tư vào ngành công nghiệp, công nghiệp hỗ trợ theo hướng tăng chất lượng, hiệu quả cao, bảo đảm môi trường, cam kết về chuyển giao công nghệ và phát triển đội ngũ nhân lực kỹ năng cao.

- Bố trí kịp thời và dành nguồn vốn với lãi suất hợp lý cho các ngành sản xuất công nghiệp, nông nghiệp, xuất khẩu, công nghiệp hỗ trợ; thực hiện điều hành chính sách tiền tệ, tỷ giá và quản lý ngoại hối linh hoạt bảo đảm khuyến khích xuất khẩu.

- Tiến hành rà soát, đàm phán, ký mới và bổ sung các hiệp định hợp tác trong lĩnh vực ngân hàng, nhất là với các nước châu Phi, để bảo đảm hoạt động thanh toán được thuận lợi, an toàn và hạn chế rủi ro.

4. Đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng, dịch vụ phục vụ xuất nhập khẩu hàng hóa và đẩy nhanh xã hội hóa dịch vụ logistics

- Đầu tư, nâng cấp cơ sở hạ tầng giao thông, kho tàng bến bãi tại các cảng biển lớn và các địa điểm thông quan hàng hóa xuất nhập khẩu để đáp ứng nhu cầu xuất nhập khẩu hàng hóa đến năm 2020, định hướng đến năm 2030.

- Xây dựng và hoàn thiện khung khổ pháp lý, chính sách phát triển dịch vụ logistics, đồng thời chuẩn hóa quy trình dịch vụ, nâng cấp cơ sở hạ tầng và chất lượng nguồn nhân lực.

- Xây dựng cơ chế, chính sách nâng cao năng lực, hiệu quả cung cấp và phát triển dịch vụ hỗ trợ xuất khẩu của Việt Nam.

5. Đào tạo phát triển nguồn nhân lực

- Tổ chức triển khai thực hiện Quy hoạch phát triển nguồn nhân lực ngành Công Thương giai đoạn 2011 - 2020, gắn với yêu cầu, mục tiêu phát triển của từng ngành hàng như dệt may, da giày, đồ gỗ, sản phẩm nhựa, điện tử, cơ khí...

- Xây dựng, cơ chế, chính sách khuyến khích, hỗ trợ các doanh nghiệp, hiệp hội ngành hàng đầu tư, tham gia vào lĩnh vực đào tạo nguồn nhân lực phục vụ các ngành hàng sản xuất, xuất khẩu.

- Đa dạng hóa và mở rộng các hình thức hợp tác trong đào tạo nguồn nhân lực theo hướng gắn kết giữa cơ sở đào tạo với doanh nghiệp, từng bước thực hiện đào tạo theo yêu cầu định hướng của cộng đồng doanh nghiệp.

- Tăng cường đào tạo, phổ biến kiến thức và chính sách, pháp luật thương mại của các nước cho các địa phương, doanh nghiệp để tận dụng các ưu đãi trong các cam kết quốc tế và có biện pháp tích cực, chủ động phòng tránh các hàng rào trong thương mại để phát triển xuất khẩu các mặt hàng chủ lực, mặt hàng mới của Việt Nam.

6. Kiểm soát nhập khẩu

- Quy hoạch sản xuất nhóm hàng nguyên, nhiên, vật liệu thiết yếu nhập khẩu phục vụ cho sản xuất và gia công xuất khẩu, tập trung các sản phẩm trong nước chưa sản xuất được hoặc sản xuất nhưng không đủ đáp ứng nhu cầu trong nước.

- Rà soát cơ cấu đầu tư, nghiên cứu chính sách khuyến khích đầu tư sản xuất hàng hóa có lợi thế cạnh tranh, đáp ứng nhu cầu trong nước; đôn đốc đẩy nhanh tiến độ các công trình, dự án sản xuất hàng hóa đáp ứng nhu cầu trong nước, sớm đưa vào hoạt động.

- Xây dựng lộ trình đàm phán, thỏa thuận về trao đổi thương mại cấp Chính phủ nhằm cải thiện cán cân thương mại với các đối tác thương mại một cách hợp

lý, phù hợp với nhu cầu, trình độ sản xuất trong nước và các cam kết quốc tế, nhất là các nước mà Việt Nam có tỷ lệ nhập siêu cao.

- Tăng cường sử dụng hàng hóa trong nước đã sản xuất được để góp phần kiềm chế nhập siêu; đẩy mạnh các hoạt động xúc tiến thương mại trong nước nhằm tạo cơ hội kết nối giữa các doanh nghiệp sản xuất máy móc, thiết bị, vật tư, nguyên phụ liệu với các doanh nghiệp sử dụng các loại máy móc, thiết bị và vật tư này; xây dựng cơ chế khuyến khích sử dụng vật tư, hàng hóa sản xuất trong nước trong đấu thầu các dự án sử dụng vốn ngân sách nhà nước.

- Tăng cường các biện pháp quản lý nhập khẩu phù hợp các cam kết quốc tế, kiểm tra chất lượng, vệ sinh an toàn thực phẩm hàng hóa nhập khẩu; rà soát, ban hành các tiêu chuẩn, quy định về chất lượng, vệ sinh an toàn thực phẩm, bảo vệ môi trường đối với hàng hóa nhập khẩu phù hợp với các quy định và cam kết quốc tế.

7. Nâng cao sức cạnh tranh của doanh nghiệp và vai trò của Hiệp hội ngành hàng

- Các Hiệp hội ngành hàng đẩy mạnh công tác đánh giá, dự báo thị trường, xu hướng giá cả, thực hiện chế độ cung cấp thông tin định kỳ liên quan đến thị trường và chính sách của các nước bạn cho các hội viên để nâng cao tính chủ động, phòng ngừa rủi ro khi thị trường biến động.

- Nâng cao vai trò, năng lực của Hiệp hội ngành hàng trong việc tổ chức các chương trình xúc tiến thương mại, góp phần hỗ trợ công tác phát triển thị trường của các doanh nghiệp.

- Phát huy vai trò của Hiệp hội trong việc liên kết các hội viên, đại diện để bảo vệ quyền lợi, lợi ích hợp pháp của các hội viên trong thương mại quốc tế, thực hiện tốt vai trò là cầu nối giữa cơ quan quản lý nhà nước với các doanh nghiệp.

- Chủ động nắm bắt thời cơ, tập trung đổi mới công nghệ, tăng cường hợp tác và liên kết để nâng cao chất lượng sản phẩm và năng lực cạnh tranh trên thị trường.

- Tổ chức mô hình sản xuất, kinh doanh theo hướng chú trọng chất lượng, đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm và các tiêu chuẩn, quy chuẩn theo quy định để đảm bảo uy tín của sản phẩm xuất khẩu và của doanh nghiệp xuất khẩu.

- Phối hợp chặt chẽ với cơ quan quản lý nhà nước, phản ánh kịp thời những vấn đề khó khăn, vướng mắc để có biện pháp chủ động đối phó, nhất là để góp phần thúc đẩy xuất khẩu, nâng cao hiệu quả xuất khẩu và giảm dần nhập siêu.

- Chủ động tìm kiếm, phát triển các thị trường mới để đa dạng hóa thị trường xuất nhập khẩu, tránh lệ thuộc vào nhóm nhỏ các thị trường truyền thống để giảm thiểu những rủi ro có thể xảy ra từ những biến động của các thị trường này.

III. CÁC ĐỀ ÁN CỦA CHƯƠNG TRÌNH

Bên cạnh việc thực hiện các nhiệm vụ chủ yếu nêu trên và các nhiệm vụ liên quan được giao tại các Nghị quyết, Chiến lược, Chương trình hành động có liên quan của Chính phủ, các Bộ, ngành chủ trì xây dựng và thực hiện các đề án, nhiệm vụ cụ thể được phân công tại Phụ lục ban hành kèm theo Chương trình hành động này.

IV. NGUỒN KINH PHÍ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

1. Kinh phí thực hiện Chương trình được huy động từ các nguồn vốn: ngân sách trung ương; ngân sách địa phương; vốn viện trợ quốc tế; vốn huy động xã hội, cộng đồng và các nguồn vốn hợp pháp khác.

2. Hàng năm, căn cứ vào mục tiêu, nội dung Chương trình và các đề án, nhiệm vụ cụ thể được phân công tại Phụ lục kèm theo, các Bộ, ngành, địa phương dự toán kinh phí trình cấp có thẩm quyền phê duyệt để thực hiện nhiệm vụ thuộc Chương trình theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Bộ Công Thương có trách nhiệm

a) Tổ chức thực hiện Chương trình, điều hành hoạt động của Chương trình và thực hiện các đề án, nhiệm vụ cụ thể được phân công.

b) Hướng dẫn các Bộ, ngành, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương xây dựng Kế hoạch hành động thực hiện Chiến lược theo chức năng, thẩm quyền, bảo đảm phù hợp với điều kiện thực tế của ngành, địa phương.

c) Đôn đốc, kiểm tra và định kỳ hàng năm tổng hợp tình hình, báo cáo Thủ tướng Chính phủ; tiến hành sơ kết, tổng kết đánh giá kết quả, hiệu quả thực hiện Chương trình.

2. Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính có trách nhiệm cân đối, bố trí kinh phí thực hiện Chương trình trong dự toán ngân sách hàng năm của các cơ quan trung ương và địa phương theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước.

3. Các Bộ, ngành liên quan có trách nhiệm:

a) Xây dựng Kế hoạch hành động thực hiện Chiến lược, trong đó xác định rõ các nhiệm vụ, đề án thuộc chức năng, nhiệm vụ của Bộ, ngành theo hướng dẫn của Bộ Công Thương, ban hành trong quý IV năm 2012; định kỳ hàng năm tiến hành đánh giá kết quả, hiệu quả thực hiện các nhiệm vụ, đề án được phân công, gửi Bộ Công Thương để tổng hợp, báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

b) Tổ chức xây dựng và thực hiện các đề án, nhiệm vụ cụ thể được phân công. Căn cứ thời hạn quy định và tiến độ xây dựng đề án, các Bộ, ngành chủ trì thực hiện chủ động đăng ký các đề án vào Chương trình công tác của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Bộ, ngành mình để phê duyệt và triển khai kịp thời, bảo đảm hiệu quả và đáp ứng yêu cầu thực tế.

c) Lồng ghép các dự án phát triển của ngành, chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình phát triển kinh tế - xã hội khác với các nhiệm vụ, đề án thuộc Chương trình này để triển khai thực hiện, bảo đảm hiệu quả, tránh chồng chéo, lãng phí.

d) Rà soát, điều chỉnh, bổ sung chiến lược, quy hoạch ngành, sản phẩm phù hợp với Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 2011 - 2020 và Chiến lược xuất nhập khẩu hàng hóa thời kỳ 2011 - 2020, định hướng đến năm 2030.

4. Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có trách nhiệm:

a) Trên cơ sở hướng dẫn của Bộ Công Thương, căn cứ vào điều kiện thực tế, các địa phương ban hành Kế hoạch hành động của địa phương mình; đồng thời, chỉ đạo các cơ quan, đơn vị liên quan của địa phương xây dựng và phối hợp với các Bộ, ngành Trung ương triển khai thực hiện quy hoạch, đề án, chương trình phát triển sản xuất và đẩy mạnh xuất khẩu sản phẩm của địa phương trên cơ sở các nhiệm vụ được nêu trong Chương trình.

b) Tổ chức xây dựng, phê duyệt và triển khai các đề án, nhiệm vụ được phân công, bảo đảm kịp thời, hiệu quả.

c) Tổ chức và huy động các nguồn lực, lồng ghép các dự án thuộc chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình phát triển kinh tế - xã hội khác trên địa bàn với các nhiệm vụ của Chương trình này để triển khai thực hiện, bảo đảm hiệu quả, tránh chồng chéo, lãng phí./.

KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG

Hoàng Trung Hải

Phụ lục

NHIỆM VỤ TRIỂN KHAI CHƯƠNG TRÌNH HÀNH ĐỘNG THỰC HIỆN CHIẾN LƯỢC XUẤT NHẬP KHẨU HÀNG HÓA THỜI KỲ 2011 - 2020, ĐỊNH HƯỚNG ĐẾN NĂM 2030

(Ban hành kèm theo Quyết định số 950/QĐ-TTg ngày 25 tháng 7 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ)

STT	Nội dung nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Loại văn bản	Cấp quyết định	Thời gian hoàn thành
I	**Phát triển sản xuất, chuyển dịch cơ cấu kinh tế**					
1	Đề án nâng cao chất lượng, giá trị gia tăng và năng lực cạnh tranh các mặt hàng xuất nhập khẩu của Việt Nam thời kỳ 2012 - 2020, định hướng đến 2030	Bộ Công Thương	Các Bộ, ngành, địa phương, hiệp hội liên quan	Quyết định	Thủ tướng Chính phủ	2012 - 2013
2	Đề án phát triển cụm liên kết xuất khẩu các ngành công nghiệp cơ khí, dệt may, da giày, đồ gỗ	Bộ Công Thương	Các Bộ, ngành, địa phương, hiệp hội ngành hàng liên quan	Quyết định	Thủ tướng Chính phủ	2013 - 2014
3	Đề án phát triển năng lực xuất khẩu nguyên vật liệu, linh kiện, phụ kiện ngành cơ khí chế tạo, ngành nhựa - cao su, ngành điện - điện tử	Bộ Công Thương	Các hiệp hội ngành hàng liên quan	Quyết định	Thủ tướng Chính phủ	2013 - 2014
4	Đề án phát triển năng lực xuất khẩu sản phẩm hóa dầu	Bộ Công Thương	Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	Quyết định	Thủ tướng Chính phủ	2015
5	Chương trình hành động quốc gia về sản xuất và tiêu dùng bền vững *	Bộ Công Thương	Các Bộ, ngành, địa phương	Chương trình	Thủ tướng Chính phủ	2015

STT	Nội dung nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Loại văn bản	Cấp quyết định	Thời gian hoàn thành
6	Đề án chính sách khuyến khích phát triển liên kết sản xuất và tiêu thụ nông sản giữa nông dân với các đối tác kinh tế khác trong nông nghiệp, nông thôn *	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Các địa phương, Hội nông dân Việt Nam và các hiệp hội ngành hàng	Quyết định	Thủ tướng Chính phủ	2012
7	Đề án phát triển công nghiệp chế biến nông, lâm, thủy sản quốc gia *	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Các địa phương, hiệp hội ngành hàng	Quyết định	Thủ tướng Chính phủ	2013
8	Đề án xây dựng mô hình xử lý sau thu hoạch các loại nông sản xuất khẩu	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Các địa phương, hiệp hội ngành hàng	Quyết định	Thủ tướng Chính phủ	2013 - 2014
9	Đề án phát triển sản xuất vật liệu xây dựng để sử dụng trong nước và xuất khẩu	Bộ Xây dựng	Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Công Thương	Quyết định	Thủ tướng Chính phủ	2013
10	Đề án nâng cao năng lực cạnh tranh và đẩy mạnh xuất khẩu các sản phẩm viễn thông, công nghệ thông tin thương hiệu Việt	Bộ Thông tin và Truyền thông	Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Công Thương	Quyết định	Thủ tướng Chính phủ	2012 - 2013
II	**Phát triển thị trường, xúc tiến thương mại**					
1	Chiến lược hội nhập kinh tế quốc tế đến năm 2020 *	Bộ Công Thương	Các Bộ, ngành liên quan	Chiến lược	Thủ tướng Chính phủ	2012

STT	Nội dung nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Loại văn bản	Cấp quyết định	Thời gian hoàn thành
2	Triển khai Chương trình xúc tiến thương mại quốc gia	Bộ Công Thương	Các địa phương, hiệp hội ngành hàng			Hàng năm
3	Đề án phát triển các thị trường khu vực thời kỳ 2012 - 2020, định hướng đến năm 2030 (châu Á - Thái Bình Dương, châu Mỹ, châu Âu, Phi Châu - Tây Nam Á)	Bộ Công Thương	Các hiệp hội ngành hàng liên quan	Quyết định	Thủ tướng Chính phủ	2013 - 2014
4	Đề án đàm phán Hiệp định thương mại tự do Việt Nam - EU *	Bộ Công Thương	Các Bộ, ngành liên quan	Quyết định	Thủ tướng Chính phủ	2012
5	Đề án đàm phán tham gia Hiệp định Đối tác chiến lược xuyên Thái Bình Dương (TPP) *	Bộ Công Thương	Các Bộ, ngành liên quan	Quyết định	Thủ tướng Chính phủ	2012
6	Đề án quốc gia về phát triển thương mại điện tử đến năm 2020 *	Bộ Công Thương	Các địa phương, Hiệp hội ngành hàng	Quyết định	Thủ tướng Chính phủ	2013
7	Đề án củng cố và mở rộng hệ thống cơ quan đại diện xúc tiến thương mại Việt Nam tại nước ngoài	Bộ Công Thương	Bộ Ngoại giao, các Bộ, ngành liên quan	Quyết định	Thủ tướng Chính phủ	2013 - 2014
8	Rà soát và xây dựng lộ trình tham gia các hiệp định, thỏa thuận thừa nhận lẫn nhau quốc tế, khu vực và song phương về tiêu chuẩn và đánh giá sự phù hợp thời kỳ 2012 - 2020	Bộ Khoa học và Công nghệ	Các Bộ, ngành liên quan	Báo cáo	Thủ tướng Chính phủ	2012 - 2013

STT	Nội dung nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Loại văn bản	Cấp quyết định	Thời gian hoàn thành
III	**Chính sách thương mại, tài chính, tín dụng và đầu tư phát triển sản xuất hàng xuất khẩu**					
1	Nghị định về thủ tục hải quan điện tử	Bộ Tài chính	Các Bộ, ngành liên quan	Nghị định	Chính phủ	2012 - 2013
2	Dự án Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu	Bộ Tài chính	Các Bộ, ngành liên quan	Luật	Quốc hội	2013
3	Dự án sửa đổi Luật Hải quan	Bộ Tài chính	Các Bộ, ngành liên quan	Luật	Quốc hội	2014
4	Đề án xây dựng chính sách khuyến khích để xúc tiến đầu tư của các tập đoàn đa quốc gia, các doanh nghiệp lớn trên thế giới vào ngành công nghiệp, công nghiệp chế biến, công nghiệp hỗ trợ	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Bộ Công Thương, Bộ Tài chính, các địa phương	Quyết định	Thủ tướng Chính phủ	2013
5	Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 12/2006/NĐ-CP	Bộ Công Thương	Các Bộ, ngành liên quan	Nghị định	Chính phủ	2012
6	Đề án xây dựng chính sách khuyến khích, hỗ trợ doanh nghiệp Việt Nam tham gia trực tiếp các mạng sản xuất và phân phối ở nước ngoài	Bộ Công Thương	Các Hiệp hội ngành hàng và Hiệp hội Doanh nhân Việt Nam ở nước ngoài	Quyết định	Thủ tướng Chính phủ	2012 - 2013
7	Dự án Luật Quản lý ngoại thương	Bộ Công Thương	Các Bộ, ngành liên quan	Luật	Quốc hội	2012 - 2014

STT	Nội dung nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Loại văn bản	Cấp quyết định	Thời gian hoàn thành
IV	**Đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng, dịch vụ phục vụ xuất nhập khẩu hàng hóa và đẩy nhanh xã hội hóa dịch vụ logistics**					
1	Đề án về đầu tư, nâng cấp cơ sở hạ tầng giao thông, kho tàng bến bãi tại các cảng biển lớn và các địa điểm thông quan hàng hóa xuất nhập khẩu để đáp ứng nhu cầu vận chuyển hàng hóa xuất nhập khẩu đến năm 2020, định hướng đến năm 2030	Bộ Giao thông vận tải	Bộ Công Thương, các địa phương liên quan	Quyết định	Thủ tướng Chính phủ	2013
2	Quy hoạch phát triển các hệ thống logistics trên phạm vi cả nước đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030 *	Bộ Công Thương	Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Giao thông vận tải, các địa phương	Quyết định	Thủ tướng Chính phủ	2012 - 2014
3	Đề án nâng cao năng lực, thị phần vận chuyển hàng hoá xuất nhập khẩu của các doanh nghiệp Việt Nam	Bộ Giao thông vận tải	Bộ Công Thương, các Bộ, ngành liên quan	Quyết định	Thủ tướng Chính phủ	2013
V	**Đào tạo và phát triển nguồn nhân lực**					
1	Chiến lược phát triển dạy nghề đến năm 2020 *	Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội	Các Bộ, ngành và địa phương	Quyết định	Thủ tướng Chính phủ	2012

STT	Nội dung nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Loại văn bản	Cấp quyết định	Thời gian hoàn thành
2	Đề án đào tạo nhân lực chất lượng cao phục vụ cho liên kết xuất khẩu ngành cơ khí, dệt may, đồ gỗ, ngành sản xuất nguyên vật liệu và linh phụ kiện ngành cơ khí chế tạo, điện - điện tử	Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội	Các địa phương, Hiệp hội ngành hàng, và doanh nghiệp	Quyết định	Thủ tướng Chính phủ	2012 - 2013
3	Đào tạo, tập huấn về quản lý sản xuất và cung ứng nông sản thực phẩm theo các tiêu chuẩn tiên tiến phù hợp với yêu cầu thị trường của các nước phát triển	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Các địa phương, Hiệp hội ngành hàng, và doanh nghiệp	Kế hoạch	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Hàng năm
4	Đào tạo, phổ biến kiến thức và chính sách thương mại của các nước để tận dụng các ưu đãi trong các cam kết quốc tế và biện pháp phòng tránh các hàng rào trong thương mại để phát triển xuất khẩu các mặt hàng chủ lực, mặt hàng mới của Việt Nam	Bộ Công Thương	Bộ Ngoại giao, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam	Kế hoạch	Bộ Công Thương	Hàng năm
VI	**Kiểm soát nhập khẩu**					
1	Đề án xây dựng các biện pháp quản lý nhập khẩu phù hợp với các cam kết quốc tế	Bộ Công Thương	Các Bộ, ngành liên quan	Quyết định	Thủ tướng Chính phủ	2012 - 2013
2	Xây dựng hệ thống thông tin đánh giá và kiểm soát các hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu	Bộ Công Thương	Các Bộ, ngành, địa phương liên quan	Quyết định	Thủ tướng Chính phủ	2012 - 2013

STT	Nội dung nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Loại văn bản	Cấp quyết định	Thời gian hoàn thành
4	Đề án xây dựng các biện pháp quản lý chất lượng, vệ sinh an toàn thực phẩm hàng hóa nhập khẩu *	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Bộ Y tế, Bộ Tài chính, Bộ Công Thương	Quyết định	Thủ tướng Chính phủ	2012 - 2013
5	Đề án xây dựng hệ thống tiêu chuẩn quốc gia và đánh giá chất lượng quốc gia; nâng cao hệ thống tiêu chuẩn, quy chuẩn đạt chuẩn mực quốc tế, đặc biệt chú trọng đến tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm *	Bộ Khoa học và Công nghệ	Các Bộ, ngành và các Hiệp hội ngành hàng liên quan	Quyết định	Thủ tướng Chính phủ	2012
6	Xây dựng hệ thống thông tin trực tuyến cho mạng lưới TBT Việt Nam và cơ sở dữ liệu về TBT	Bộ Khoa học và Công nghệ	Các Bộ, ngành có liên quan	Quyết định	Thủ tướng Chính phủ	2012 - 2013

* *Đề án đã được ghi trong Chương trình hành động của Chính phủ nhiệm kỳ 2011 - 2016 ban hành kèm theo Nghị quyết số 06/NQ-CP ngày 07 tháng 3 năm 2012 của Chính phủ.*

VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ XUẤT BẢN

Địa chỉ: Số 1, Hoàng Hoa Thám, Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại: 080.44946 – 080.44417
Fax: 080.44517
Email: congbao@chinhphu.vn
Website: http://congbao.chinhphu.vn
In tại: Xí nghiệp Bản đồ 1 - Bộ Quốc phòng

Giá: 10.000 đồng